

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ -ST

Ngày: 30/8/2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh và bà Nguyễn Thị Tuyết .

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024 “Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Y T Buôn Krông, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Buôn T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Kiều Thị Hà T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Buôn T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Y T Buôn Krông trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T1) với cô Kiều Thị Hà T qua thời gian tìm hiểu yêu thương nhau được khoảng được 04 tháng, được sự đồng ý của hai bên gia đình chúng tôi tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/10/2013 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện không bị ép buộc hoặc cưỡng ép kết hôn.

Sau kết hôn chúng tôi sống với nhau hạnh phúc cho đến khoảng tháng 5/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Trong thời gian này tôi có xin cho cô Kiều Thị Hà T đi làm ở cơ quan đăng kiểm và chúng tôi có đóng tiền cổ phần vào công ty, do công ty làm ăn thua lỗ, không có lợi nhuận, cô Kiều Thị Hà T làm không đủ trang trải cuộc sống, nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, tôi có động viên cô Kiều Thị Hà T ở nhà buôn bán làm ăn nhưng cô Kiều Thị Hà T không nghe. Cũng trong thời gian này tôi phải đi học nghiệp vụ và vợ chồng tôi sinh cháu thứ 3, cuộc sống vợ chồng khó khăn ngày càng khó khăn hơn, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hoà. Hơn nữa trong cuộc sống chung của vợ chồng, do hiểu lầm nhau trong mối quan hệ bạn bè, nên cô Kiều Thị Hà T đã sử dụng bạo lực với tôi như dùng tay đánh vào mặt, dùng dao chém, cào cấu, cắn tôi lúc vợ chồng mâu thuẫn, có lúc còn dùng xe ô tô chặn tông vào tôi khi đi làm về, đồng thời còn có những lời lẽ không tốt, xúc phạm, không tôn trọng bản thân tôi và chúng tôi đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay.

Xét thấy hiện nay tôi không còn tình cảm gì với cô Kiều Thị Hà T, không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Toà án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Kiều Thị Hà T.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014; cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 và cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023. Nguyên vọng muốn nuôi cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 cho đến tuổi trưởng thành. Còn cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 tôi sẽ để cho cô Kiều Thị Hà T nuôi dưỡng và tôi sẽ cấp dưỡng cho cô Kiều Thị Hà T là 2.500.000 đồng/cháu/tháng.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Bị đơn chị Kiều Thị Hà T trình bày:*

1. Quan hệ hôn nhân: Qua phần trình bày của anh Y T Buôn Krông về thời gian kết hôn ở trên là đúng tôi không bổ sung thêm về nội dung này.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vào khoảng năm 2022, khi tôi đang mang bầu cháu thứ 3, công ty nơi tôi làm việc bị phá sản không có việc làm, không có tiền lợi tức, không có thu nhập, thời gian này anh Y T Buôn Krông thì đi học, nên có bắt tôi phải nghỉ việc ở nhà bán quán nhưng tôi không đồng ý, cũng trong thời gian này anh Y T Buôn Krông phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, nên về nhà kiếm chuyện với tôi trong đó có chuyện liên quan đến tiền bạc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hoà, lợi dụng việc vợ chồng mâu thuẫn, anh Y T Buôn Krông bỏ ra ngoài không ở chung cùng vợ, con khoảng 01 năm. Nay anh Y T Buôn Krông đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, thì tôi chưa đồng ý ngay vì các con tôi còn nhỏ.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung như anh Y T Buôn Krông trình bày trên, tôi có nguyên vọng xin được nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh Y T Buôn Krông phải đóng góp tiền nuôi con chung cho tôi là 4.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Phân tranh luận:

- Nguyên đơn anh Y T Buôn Krông, bị đơn chị Kiều Thị Hà T sau trình bày ý kiến tranh luận, các bên đương sự thống nhất với nhau như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Các bên thỏa thuận giao cho anh Y Trục Buôn Krông được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 cho đến tuổi trưởng thành.

Giao cho chị Kiều Thị Hà T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho đến tuổi trưởng thành.

-Phần ý kiến các bên không thống nhất về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: Chị Kiều Thị Hà T yêu cầu anh Y T Buôn Krông phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho đến tuổi trưởng thành.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự..

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Ghi nhận việc anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao các con chung là cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 cho anh Y T Buôn Krông nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho chị Kiều Thị Hà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến tuổi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Kiều Thị Hà T buộc anh Y T Buôn Krông phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho đến tuổi trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Y T Buôn Krông lập ngày 03/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện, bị đơn chị Kiều Thị Hà T đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y T Buôn Krông:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T lấy nhau trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/10/2013, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Qua lời trình bày của các bên đương sự, trong cuộc sống chung của vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, lối sống cũng như trong công việc làm ăn và kinh tế của gia đình, dẫn đến vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn va chạm, mất lòng tin, nghi kỵ lẫn nhau, nhưng vợ chồng không có giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến vợ chồng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian khoảng hơn một năm nay, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn.

Xét thấy, căn cứ vào lời trình bày của của các đương sự, kết quả xác minh tại địa phương đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ, chồng đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng đã nhạt và các bên đã sống ly thân nhau đã lâu, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa việc này được các bên đương sự xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, thực sự tự nguyện ly hôn và anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thống nhất thuận tình ly hôn, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T đều xác nhận có 03 con chung gồm: cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014; cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 và cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc cần phải xem xét về mọi mặt, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, tại phiên tòa anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau. Giao cho anh Y T Buôn Krông được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 cho cho đến tuổi trưởng thành.

Giao cho chị Kiều Thị Hà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho cho đến tuổi trưởng thành.

Xét việc thoả thuận này của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Kiều Thị Hà T yêu cầu anh Y T Buôn Krông phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho chị Kiều Thị Hà T với mức 2.500.000 đồng/tháng, nhưng anh Y T Buôn Krông không đồng ý. Xét thấy, các bên đương sự thoả thuận để anh Y T Buôn Krông nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và chị Kiều Thị Hà T nuôi dưỡng chăm sóc 01 con chung, nên yêu cầu của chị Kiều Thị Hà T buộc anh Y T Buôn Krông phải tiếp tục có trách nhiệm đóng góp tiền cho chị Kiều Thị Hà T nuôi con chung là không thỏa đáng. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Kiều Thị Hà T.

Anh Y T Buôn Krông, chị Kiều Thị Hà T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Y T Buôn Krông phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Y T Buôn Krông đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai thu số 0000421 ngày 05/6/2024.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận việc anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T thoả thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao cho anh Y T Buôn Krông được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Buôn Krông Kiều Hải Đ, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Buôn Krông Kiều Khôi N, sinh ngày 26/6/2019 cho đến tuổi trưởng thành.

Giao cho chị Kiều Thị Hà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Buôn Krông Kiều Thịnh P, sinh ngày 03/6/2023 cho đến tuổi trưởng thành.

Anh Y T Buôn Krông và chị Kiều Thị Hà T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải chu cấp tiền nuôi dưỡng con chung cho ai.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, khi cần thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng thì các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Y T Buôn Krông phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai số 0000421 ngày 05 tháng 6 năm 2024.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án ly hôn sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện Ea Kar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Ô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN MẠNH TUÂN

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 55 phút ngày 31 tháng 3 năm 2022

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông [Nguyễn Mạnh T3](#).
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông [Y Nik Ê B2](#) và bà Nguyễn Thị Tuyết

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2021 về việc "Ly hôn, tranh nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị [Hoàng Thị T4](#), sinh năm 1991.

Nơi cư trú: [Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk](#). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh [Trần Việt S](#), sinh năm 1987.

Nơi cư trú: [Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk](#)

(vắng mặt không lý do).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Quan hệ pháp luật và điều luật áp dụng.

- Quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh nuôi con"

- Điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

II. Quyết định:

- Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị [Hoàng Thị T4](#) được ly hôn với anh [Trần Việt S.](#)

[2] Về con chung: Giao cháu [Trần Thị Bảo N1](#) cho chị [Hoàng Thị T4](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu [Trần Thị Bảo N1](#) sinh ngày 19/10/2011 đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [Hoàng Thị T4](#) không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, khi cần thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng thì các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị [Hoàng Thị T4](#) không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

2. Về án phí: Chị [Hoàng Thị T4](#) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai số 60AA/2021/0005664 ngày 01 tháng 12 năm 2021.

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc) kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe, công nhận là đúng và ký tên dưới đây

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Y Nik Ê Ban

[Nguyễn Thi Tuyết Nguyễn Mạnh T5](#)